TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST Ngày 21-05-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Bá Lý
Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 853/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Puih H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Bị đơn*: Anh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-11-2023; bản tự khai ngày 09-01-2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Puih H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 02 năm 2000 tại Ủy ban Nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Chị và anh T chung sống hạnh phúc một thời gian và đã có 02 người con. Thời gian gần đây, chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên rượu chè không quan tâm đến gia đình và con cái. Mặc dù hai bên gia đình hòa giải nhưng chỉ được một thời gian. Do đó năm 2019 chị và anh T đã sống ly thân cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu: Puih Thiệp, sinh ngày 16-01-2000 và cháu Puih H1, sinh ngày 16-07-2011. Hiện nay, cháu Puih T1 đã thành niên và có gia đình, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con chung. Còn cháu Puih H1, sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng vì từ trước đến nay con chị sống chung với chị và do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay chị có điều kiện để chăm sóc cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, vì vậy bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

3. Tại Đơn trình bày của cháu P H'Yami ngày 09-01-2024, thể hiện: hiện nay cháu chỉ biết cha mẹ cháu đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 04 năm nay, từ nhỏ đến lớn chủ yếu là mẹ Puih H'Bler chăm sóc cháu ăn học, hiện cháu đang sống cùng với mẹ Puih H, nên khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ của cháu, vì hiện nay mẹ P H'Bler có điều kiện để chăm sóc cháu ăn học được tốt hơn.

4. Biên bản xác minh ngày 21-11-2023 tại thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh T có đăng ký thường trú và cư trú tại thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên anh T vắng mặt tại địa phương, nhưng có đi đi về về tại thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai và không thông báo cho chính quyền địa phương biết về việc chuyển đi nơi khác hay không. Về mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị Puih H và thu nhập thì địa phương nơi cư trú không biết được và chỉ biết hiện nay vợ chồng anh T chị P H'Bler đang sống ly thân với nhau.

5. Về người phiên dịch, chị Puih H trình bày: Chị là giáo viên mẫu giáo nên chị nghe, nói, đọc hiểu tiếng phổ thông thành thạo, nên chị không yêu cầu phải có người phiên dịch.

6. Tại phiên tòa chị P H'Bler trình bày: Chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, và được nuôi dưỡng con chung là cháu P H'Yami và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

7. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Puih H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Puih H1, sinh ngày 16 tháng 07 năm 2011 cho chị P H'Bler trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Puih H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Puih H không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Puih H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh T có địa chỉ tại thôn P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 22 tháng 02 năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Puih H và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị P H'Bler và anh T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên rượu chè không quan tâm đến gia đình và con cái. Mặc dù gia đình hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian rồi vẫn trở lại như ban đầu, do đó đến năm 2019 chị và anh T đã sống ly thân với nhau cho đến nay, nay vẫn tiếp tục sống ly thân. Hiện nay, cả hai đều không ai có còn quan tâm đến nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Tại phiên tòa chị P H'Bler xác định tình cảm của chị đối với anh T không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

[5] Biên bản xác minh ngày 21-11-2023 tại thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Về mâu thuẫn vợ chồng và mức thu nhập thì địa phương nơi cư trú không biết được và chỉ biết hiện nay vợ chồng anh T chị P H'Bler đang sống ly thân với nhau. Cháu Puih H1 trình bày tại đơn trình bày ngày 09-01-2024 chỉ biết hiện nay cha mẹ cháu đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 04 năm nay, hiện nay còn sống ly thân.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Puih H có đơn ly hôn anh T; yêu cầu được quyền nuôi con chung, nhưng anh T không đến thực hiện quyền của mình, điều này thể hiện anh T không quan tâm, bỏ mặc không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này được tồn tại, nên anh T không có ý kiến; bản khai thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Puih H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P H'Bler với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu: Puih Thiệp, sinh ngày 16-01-2000 và cháu Puih H1, sinh ngày 16-07-2011. Hiện nay, cháu Puih T1 đã thành niên và có gia đình, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con chung. Còn cháu Puih H1, sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng vì từ trước đến nay con sống chung với chị và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vì anh T vắng mặt không tham gia tố tụng, không có bản khai nộp cho Tòa án và không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng việc nuôi con chung nên Toà án không có cơ sở xem xét.

[8] Xét thấy hiện tại chị P H'Bler là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định, mặt khác cháu P H'Yami từ nhỏ đến lớn chủ yếu là được mẹ P H'Bler chăm sóc, nên khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ Puih H'Bler, nên chị P H'Bler có đủ điều kiện để chăm sóc con và phù hợp với nguyện vọng của cháu P H'Yami. đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị P H'Bler giao con chung là cháu Puih H1, sinh ngày 16 tháng 07 năm 2011 cho chị P H'Bler trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P H'Bler không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì chị thấy rằng anh T không có khả năng, điều kiện để chăm sóc con bằng chị được. Xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Puih H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Chị Puih H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy banThường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Puih H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Puih H ly hôn anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Puih H1, sinh ngày 16 tháng 07 năm 2011 cho chị Puih H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí:

Chị Puih H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001615 ngày 16-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Puih H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Yên Đỗ, TP.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn